

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 11 - 2019

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

Bà Trịnh Thị Kim Phương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2019 về việc: *“Ly hôn”*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đào Thúy D, sinh năm 1974; (Có mặt)

Địa chỉ: số 28, đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Lương T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

HKTT: số 3, đường L, phường H1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện tại: T 745 - 36301 - O - K - Cộng hòa CEZH

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Nguyễn Phương T1, sinh năm 2002:

- Cháu Nguyễn Lương B, sinh ngày: 25/4/2012;

Người giám hộ cho cháu T1, cháu B: Chị Đào Thúy D (mẹ đẻ)

Địa chỉ: số 28, đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Đào Phương U, sinh năm 1998

Địa chỉ: số nhà 28, phố Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

- Bà Nguyễn Thị K, 81 tuổi

Địa chỉ: số nhà 4, ngách 13, ngõ 36, khu 4, phường B, thành phố H2, tỉnh Hải

Dương.

Người làm chứng, người liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Đào Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Lương T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/1996, tại UBND xã B, thị xã H2, tỉnh Hải Dương (nay là phường B, thành phố H2). Sau khi được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, chị về gia đình anh T chung sống một thời gian ngắn thì anh chị sang sinh sống và lao động tại Cộng hòa Cezh. Do việc làm ăn không thuận lợi, hơn nữa anh T hay chơi cờ bạc nên năm 2011 để thay đổi môi trường, anh chị đã về thành phố H sinh sống và làm ăn từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T mãi chơi, thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc không để ý quan tâm đến gia đình dẫn đến việc vợ chồng có nhiều lần xô xát, cãi vã nhau. Chị và gia đình hai bên cũng như anh em bạn bè nhiều lần khuyên bảo anh T nhưng anh không nghe và vẫn tiếp tục lấn sâu hơn vào việc lô đề, cờ bạc. Đã rất nhiều lần chị phải trả nợ thay cho anh. Đến ngày 04/3/2019 do nợ nần cờ bạc nhiều nên anh T tiếp tục sang Cộng hòa Cezh để sinh sống. Trước đây, chị và anh T ở Cộng hòa Cezh theo diện người Việt được định cư dài hạn 10 năm mới phải xin Visa lại. Đến nay chị D xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh do chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Đào Phương U, sinh ngày 24/8/1998; cháu Nguyễn Phương T1 sinh ngày 16/10/2002, cháu Nguyễn Lương B, sinh ngày 15/4/2012. Hiện nay cả 03 cháu đều sinh sống với chị. Cháu U đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu T1 hiện nay đang học lớp 11 trường chuyên Hưng Yên; cháu B đang học lớp 2 trường Tiểu học H1. Từ trước đến nay mọi việc lo ăn học cho các cháu đều do chị chăm lo. Mặt khác hiện tại anh T không sinh sống ở Việt Nam nên chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu mà không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết vì trước đây anh chị đã thỏa thuận xong.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Lương T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và công văn đề nghị anh T có quan điểm về việc chị D có đơn xin ly hôn anh T nhưng anh không nhận. Sau đó Tòa án đã gửi cho mẹ anh T là bà Nguyễn Thị K nhờ bà thông báo cho anh T về nội dung thông báo thụ lý vụ án và công văn đề nghị anh T có quan điểm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Phương T1: Cháu là con của bố T và mẹ D, hiện nay cháu đang học 10. Trong quá trình chung sống, thỉnh thoảng cháu có thấy bố mẹ cháu

cãi vã nhau liên quan đến việc bố cháu có chơi lô đề, cờ bạc. Ngoài ra còn lý do khác thì cháu không nắm được. Qua tết năm 2019 đến nay, bố cháu qua Tiệp sinh sống. Hiện nay cháu đang ở với mẹ cháu. Nếu mà bố mẹ cháu không sống với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ bởi vì mẹ cháu quan tâm chăm sóc cháu tốt hơn.

Cháu Nguyễn Lương B: Cháu là con của bố Lương Minh T, mẹ là Đào Thúy D. Hiện nay cháu đang học lớp 2 trường tiểu học H1. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ cháu, còn bố cháu hiện nay đang sinh sống tại Cezh. Trong quá trình chung sống thì bố cháu và mẹ cháu có cãi nhau, cãi nhau vì lý do gì thì cháu không biết. Nếu mà bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Lương T. Chị D và anh T có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau không bị ai ép buộc. Ngày 12/10/1996 anh chị đã đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã B, thị xã H2, tỉnh Hải Dương (nay là phường B, thành phố H2). Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị sinh sống tại gia đình bà một thời gian ngắn thì anh T, chị D đã sang Công hòa Cezh sinh sống và lao động tại đó. Do sang đó làm ăn không thuận lợi thì đến năm 2008, anh T, chị D đã về nước và sinh sống, làm việc tại thành phố H1. Khi về nước 2 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bà và gia đình đã khuyên bảo để anh chị sinh sống hòa thuận nhưng vẫn không cải thiện được. Ngày 04/3/2019 anh T lại sang Cộng hòa Cezh sinh sống đến nay. Chị D làm đơn xin ly hôn anh T, bà cũng không có ý kiến gì mà do anh T, chị D tự quyết định. Đề nghị Tòa căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi của anh T, chị D.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Đào Phương U, sinh năm 1998, cháu Nguyễn Phương T1 sinh năm 2002, cháu Nguyễn Lương B sinh năm 2012. Hiện nay cả 3 cháu đều sống cùng với chị D.

Ông Đào Hồng P trình bày: Ông là bố đẻ chị Đào Thúy D là bố vợ anh Nguyễn Lương T. Chị D, anh T có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1996 tại thành phố H2. Sau khi kết hôn một thời gian, anh chị cùng nhau sang nước Cộng hòa Cezh sinh sống và làm ăn theo diện định cư dài hạn. Trong thời gian khoảng hơn 10 năm, anh T và chị D sinh sống ở đó ông không biết có mâu thuẫn gì với nhau không nhưng anh T là người đam mê cờ bạc mọi việc trong gia đình đều do chị D lo liệu. Do ở cộng hòa Cezh làm ăn khó khăn năm 2009, chị D và anh T về Việt Nam sinh sống. Cũng vì anh T lúc đó thua cờ bạc nhiều nên ảnh hưởng đến kinh tế nên gia đình đã động viên vợ chồng về Hưng Yên sinh sống và làm ăn. Sau khi anh chị cùng các cháu về Việt Nam gia đình ông đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để vợ chồng ổn định cuộc sống. Tuy nhiên chỉ một thời gian ngắn khi anh T về Hưng Yên sinh sống, anh T bắt đầu làm quen với nhiều bạn bè và lại tiếp tục chơi lô đề, cờ bạc ban đầu thì ít nhưng ngày càng nhiều hơn, khi không còn tiền thì lấy cả xe ô tô của chị D đi

cầm cố lấy tiền để chơi và trả nợ cờ bạc. Giữa anh T và chị D có nhưng mâu thuẫn gì nữa thì ông không nắm được do chị D không kể với gia đình. Gia đình ông cũng như gia đình anh T đã nhiều lần góp ý với anh T nhưng anh T không từ bỏ được niềm đam mê cờ bạc của mình. Đến khoảng tháng 3 năm 2019 anh T đã sang Cezh sinh sống và làm ăn đến nay chưa về. Chị D làm đơn xin ly hôn anh T, ông không có ý kiến gì mà do anh chị tự quyết định. Đề nghị Tòa căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi của anh T, chị D.

Về con chung: anh T, chị D có 03 con chung như chị D trình bày.

Về tài sản, nợ chung: Anh T, chị D đã tự giải quyết với nhau trước khi anh T sang công hòa Cezh sinh sống. Anh chị không nợ nần gì gia đình ông.

Xác minh tại UBND phường B, thành phố H2, tỉnh Hải Dương cung cấp: Chị Đào Thúy D và anh Nguyễn Lương T kết hôn ngày 12/10/1996. Năm 1996 anh Nguyễn Lương T, chị Đào Thúy D đều có hộ khẩu tại thôn C, xã B, thị xã H2 (nay là phường B, thành phố H2) đến tháng 4/2011 thì anh T, chị D đều có đơn xin chuyển khẩu và đã được Ủy ban chấp thuận.

Vì lý do công việc chị D đề nghị Tòa án không phải tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và từ chối hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có mặt. Chị D xác định không còn tình cảm với anh T. Đề nghị Tòa án cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, một số đương sự khác vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thúy D. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Đào Thúy D được ly hôn anh Nguyễn Lương T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phương T1; cháu Nguyễn Lương B cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị D không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Đào Thúy D có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Lương T có hộ khẩu thường trú tại: số 3, đường L, phường H1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay anh Đại đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ: T 745 - 36301 - O - K - Cộng hòa CEZH (theo cung cấp của nguyên đơn). Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Anh Nguyễn Lương T đã được Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an cấp hộ chiếu số B8 ngày 06/9/2013, có giá trị đến 09/09/2023, anh T sử dụng để xuất cảnh lần gần nhất ngày 04/03/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị D có đơn xin ly hôn với anh T, có cung cấp địa chỉ của anh T tại Cộng hòa Cezh, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và công văn đề nghị anh T cung cấp quan điểm về việc giải quyết vụ án theo địa chỉ của anh T, nhưng anh T không nhận. Mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị K cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Cộng hòa Cezh, bà thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại. Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập cho anh T đến phiên tòa thông qua mẹ đẻ của anh T, bà K đã biết về thời gian, địa điểm mở phiên tòa và cam đoan sẽ gọi điện thông báo cho anh T biết. Do vậy, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết.

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01 ngày 12/10/1996 và cung cấp của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H2 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị D và anh Nguyễn Lương T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng với gia đình nhà chồng một thời gian ngắn thì sang sinh sống và lao động tại Cộng hòa Cezh. Do việc làm ăn không thuận lợi, năm 2011, anh chị đã về thành phố H sinh sống. Khi về sống tại thành phố H, theo chị D thì anh T không chịu khó làm ăn mà thường xuyên chơi lô đề, cơ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Chị đã phải nhiều lần trả nợ cho anh T, nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm lo cho nhau. Anh chị xác định không thể sống cùng nhau nên tháng 10/2018, anh chị đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi ly hôn. Đến ngày 04/3/2019 do nợ nần cơ bạc nhiều và mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh T sang Cộng hòa Cezh để sinh sống. Nay chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã phát sinh từ lâu. Hiện tại vợ chồng đã sống cách xa nhau, hai bên không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Do xác định không thể chung sống với nhau nên anh T chị D đã thỏa thuận phân chia tài sản chung. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, anh T đã ra nước ngoài sinh sống. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn anh T để hai bên ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

[2.2]. Về con chung:

Chị và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Đào Phương U, sinh ngày 24/8/1998; cháu Nguyễn Phương T1 sinh ngày 16/10/2002, cháu Nguyễn Lương B, sinh ngày 15/4/2012. Hiện nay cả 03 cháu đều sinh sống với chị D. Ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét thấy, hiện nay cháu U trên 18 tuổi và chị D cũng không đề nghị xem xét nên Tòa không xem xét đối với cháu U. Cháu T1, cháu B đang sinh sống ổn định cùng chị D. Anh T không có mặt tại Việt Nam nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do vậy, để ổn định cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu, HĐXX giao cháu T1, cháu B cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này anh T có tranh chấp về nuôi con, tài sản chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đào Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thúy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thúy D được ly hôn anh Nguyễn Lương T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 16/10/2002, cháu Nguyễn Lương B, sinh ngày 15/4/2012 cho chị Đào Thúy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và tự lập được. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Nguyễn Lương T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Lương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thúy D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ chị D đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2014/0000251 ngày 12/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh HY;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh